

Số: 17/2025/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 20 tháng 3 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

Quy định diện tích đất được sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định diện tích đất nông nghiệp (trừ đất trồng lúa) sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn theo quy định tại khoản 3 Điều 178 Luật Đất đai năm 2024.

#### 2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan có chức năng quản lý đất đai và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan;

b) Cá nhân sử dụng đất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

### Điều 2. Điều kiện sử dụng đất nông nghiệp để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp

1. Thửa đất hoặc khu đất đã được cấp một trong các loại giấy chứng nhận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có một trong các loại giấy tờ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 137 Luật Đất đai năm 2024 và còn thời hạn sử dụng đất.

2. Khu đất nông nghiệp đang sử dụng bao gồm một thửa đất hoặc nhiều thửa đất liền kề của cùng 01 người sử dụng đất, có diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> trở lên.

3. Không thuộc đất xây dựng các công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn quy định tại khoản 1 Điều 210 Luật Đất đai năm 2024.

### **Điều 3. Quy mô công trình và diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp**

#### 1. Quy mô công trình:

Công trình xây dựng phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được xây dựng bằng vật liệu lắp ghép đơn giản, dễ dàng tháo dỡ, gồm: Nhà nghỉ, lán, trại để phục vụ cho người lao động; công trình phục vụ sơ chế, bảo quản nông sản, chứa thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, dụng cụ lao động, trưng bày, giới thiệu sản phẩm nông nghiệp.

#### 2. Diện tích đất sử dụng để xây dựng công trình:

a) Khu đất có diện tích từ 1.000m<sup>2</sup> đến dưới 3.000m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 30m<sup>2</sup>;

b) Khu đất có diện tích từ 3.000m<sup>2</sup> đến dưới 5.000m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 50m<sup>2</sup>;

c) Khu đất có diện tích từ 5.000m<sup>2</sup> đến dưới 10.000m<sup>2</sup> được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 75m<sup>2</sup>;

d) Khu đất có diện tích từ 10.000m<sup>2</sup> trở lên được sử dụng diện tích đất để xây dựng công trình không quá 100m<sup>2</sup>.

3. Công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp được phép xây dựng tại nhiều vị trí trong khu đất nhưng tổng diện tích đất xây dựng công trình không vượt quá diện tích quy định tại khoản 2 Điều này.

### **Điều 4. Trách nhiệm thi hành**

#### 1. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Thống kê và lập sổ thống kê, theo dõi các trường hợp sử dụng đất nông nghiệp để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên địa bàn cấp xã;

b) Kiểm tra, giám sát việc xây dựng công trình trên đất nông nghiệp theo quy định tại Quyết định này và quy định của pháp luật khác có liên quan. Trường hợp người sử dụng đất xây dựng công trình trên đất nông nghiệp không đúng quy định thì kịp thời xử lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

#### 2. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm:

Thường xuyên theo dõi, kiểm tra Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc thực hiện quy định này; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý đối với tổ chức, cá nhân vi phạm trong việc xây dựng công trình trên đất nông nghiệp theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 3 năm 2025.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; cá nhân và tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 6;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế Bộ Nông nghiệp - Môi trường;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- TT Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- LĐVP;
- Đài PT&TH, Báo Bắc Kạn;
- TT Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu: VT, NCTH, NCPC (Hòa).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đăng Bình**